

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 19/9/2017
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY TỈNH TIỀN GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Dung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Tám
2. Ông Cao Châu Tiếp

-Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Nhân- Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

-Đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Bình, Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 180/2017/TLST-HNGĐ, ngày 30 tháng 5 năm 2017 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2017/QĐXX-ST, ngày 10 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 44/2017/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1994

Địa chỉ: ấp H, xã P thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: **Nguyễn Văn Đ**, sinh năm 1990

Địa chỉ: ấp H, xã P thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

(Chị T có đơn xin vắng mặt, anh Đ vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai ngày 29/5/2017; văn bản thay đổi một phần yêu cầu xin ly hôn ngày 18/9/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn Đ tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2012, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã P, thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang cấp

giấy chứng nhận kết hôn số 08/2013, quyền số 01/2013, ngày 04/3/2013. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 4/2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra tranh cãi, anh Đ không chăm lo làm ăn, không có trách nhiệm với gia đình, con cái, nhiều lần mắng chửi, xúc phạm chị, cuộc sống chung không còn hạnh phúc nên cả hai đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay.

Nay về quan hệ hôn nhân: Chị T yêu cầu được ly hôn với anh Đ

-Về quan hệ con chung: Chị T và anh Đ có 02(hai) con chung tên Nguyễn Ngọc Bảo C, sinh ngày 30/3/2014 và Nguyễn Minh L, sinh ngày 11/3/2016 hiện đang sống cùng với chị T. Nếu được ly hôn chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn Đ đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không lý do và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân phát biểu ý kiến kiểm sát:

- Về thủ tục tố tụng: Quá trình từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng tuân thủ và thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, không có ý kiến đề nghị gì.

- Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn và buộc nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định vụ án có quan hệ tranh chấp “Ly hôn”.

-*Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với chị T.

Bị đơn anh Nguyễn Văn Đ đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không lý do, do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với anh Đ.

-*Về nội dung tranh chấp:* Căn cứ vào lời trình bày cùng toàn bộ các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập có trong hồ sơ vụ án, xác định được chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn Đ chung sống với nhau như vợ chồng vào năm

2012, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã P, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 08/2013, quyển số 01/2013 ngày 04/3/2013. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 4/2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra tranh cãi, anh Đ không chăm lo làm ăn, không có trách nhiệm với gia đình, con cái, nhiều lần mắng chửi, xúc phạm chị T, cuộc sống chung không còn hạnh phúc nên cả hai đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay.

Về quan hệ con chung: Chị T và anh Đ có 02(hai) con chung tên Nguyễn Ngọc Bảo C, sinh ngày 30/3/2014 và Nguyễn Minh L, sinh ngày 11/3/2016 hiện đang sống cùng với chị T.

Bị đơn anh Nguyễn Văn Đ đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng cùng các tài liệu, chứng cứ có trong vụ án nhưng vẫn vắng mặt không lý do và không có văn bản phản đối các tình tiết, sự kiện cùng các tài liệu, chứng cứ do chị T trình bày và cung cấp. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử công nhận các tình tiết, sự kiện cùng các tài liệu, chứng cứ mà chị T trình bày và cung cấp là đúng sự thật.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị T là phù hợp quy định khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về quan hệ con chung: Chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung sau khi chị và anh Đ ly hôn. Xét hai cháu Nguyễn Ngọc Bảo C, sinh ngày 30/3/2014 và Nguyễn Minh L, sinh ngày 11/3/2016 đã sống cùng với chị T từ lúc chị và anh Đ ly thân cho đến nay nên để ổn định cuộc sống của hai cháu, hơn nữa đến thời điểm xét xử cháu L chưa tròn 36 tháng tuổi, do đó yêu cầu của chị T là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu C và cháu L cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn Đ có quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định tại Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tại văn bản thay đổi một phần yêu cầu xin ly hôn ngày 18/9/2017 chị T không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh Đ không yêu cầu giải quyết. Căn cứ Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

-Về án phí: Áp dụng Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đồng.

Xét, lời đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở và phù hợp với nhận định trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Điều 5, Điều 28, Điều 92, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Xử:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ.
- **Về quan hệ con chung:** Giao cháu Nguyễn Ngọc Bảo C, sinh ngày 30/3/2014 và Nguyễn Minh L, sinh ngày 11/3/2016 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không yêu cầu.

Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn Đ có quyền, nghĩa vụ đối với con chung theo quy định tại các Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

- **Về tài sản chung và nợ chung:** Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn Đ không yêu cầu giải quyết.

- **Về án phí:** Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chị T đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000830 ngày 29/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, xem như chị T đã nộp xong án phí.

Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND TX Cai Lậy;
- Chi cục THADS Tx Cai Lậy;
- UBND xã P;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

LÊ THỊ KIM DUNG